CHUBB®

Tài liệu minh họa chương trình Bảo hiểm Nhân thọ

# Kế hoạch Tài chính Trọn đời - Quyền lợi Toàn diện 2013 - Lựa chọn A

Kế hoạch Tài chính Trọn đời - Quyền lợi Toàn diện 2013 - Lựa chọn A là chương trình bảo hiểm thuộc nghiệp vụ bảo hiểm liên kết chung được thiết kế theo nhu cầu riêng của Quý khách với quyền lợi bảo hiểm đa dạng, quyền lợi đầu tư an toàn và phương thức đóng phí bảo hiểm chủ động, linh hoạt.

Sản phẩm phù hợp cho:

- Quý khách muốn có được sự an tâm về tài chính lâu dài cho bản thân và gia đình.
- Quý khách muốn tùy chọn các Quyền lợi Bảo hiểm Gia tăng ưu việt theo nhu cầu riêng.
- Quý khách muốn có kế hoạch tích lũy tài chính lâu dài và ổn định cho bản thân và gia đình.
- Quý khách muốn chủ động kế hoạch đóng phí bảo hiểm một cách linh hoạt và phù hợp với điều kiện tài chính.

**Bên mua Bảo hiểm (BMBH)** : **NGUYỄN VĂN A**

Tuổi : 30

Giới tính : NAM

Tài liệu soạn thảo và trình bày bởi Đại diện Kinh doanh (ĐDKD) :

Điện thoại liên lạc :

Mã số ĐDKD :

Văn phòng ĐDKD :

CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM NHÂN THỌ CHUBB VIỆT NAM ("Chubb Life") hoạt động kinh doanh Bảo hiểm Nhân thọ và Bảo hiểm Sức khoẻ theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 33GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 04/05/2005 và các giấy phép điều chỉnh.Vốn điều lệ gần 1.324 tỷ đồng.
Trụ sở chính: Tầng 21 Tòa nhà Sun Wah, 115 Nguyễn Huệ, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh.
(84-28) 3827 8989 (84-28) 3827 8123 (84-28) 3821 9000 *chubblife.vietnam@chubb.com* *http://life.chubb.com/vn*

## I. THÔNG TIN NGƯỜI ĐƯỢC BẢO HIỂM (NĐBH)

| NĐBH | Họ và Tên | Giới tính | Ngày sinh | Tuổi | Nhóm nghề nghiệp |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | NGUYỄN VĂN A | NAM | 01/01/1988 | 30 | 2 |

## II. THÔNG TIN QUYỀN LỢI BẢO HIỂM (QLBH) THAM GIA

| STT | Kế hoạch Tài chính Trọn đời - Quyền lợi Toàn diện 2013 - Lựa chọn A | NĐBH | Điều kiện BH | Mệnh giá BH (đồng) | Tuổi đáo hạn NĐBH | Phí BH cơ bản (đồng) (*) |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | QLBH Cơ bản | 1 | S/S | 500.000.000 | 99 | 7.100.000 |
| 2 | QLBH tử vong hoặc tàn tật do tai nạn nâng cao | 1 | S/S | 500.000.000 | 65 | 1.375.200 |
| 3 | QLBH tử vong hoặc tàn tật do tai nạn mở rộng | 1 | S/S | 500.000.000 | 65 | 1.650.000 |
| 4 | QLBH thương tật toàn bộ và vĩnh viễn | 1 | S/S | 500.000.000 | 65 | 1.700.000 |
| 5 | QLBH hỗ trợ nằm viện nâng cao | 1 | S/S | 200.000 | 65 | 360.000 |
| 6 | QLBH hỗ trợ nằm viện đặc biệt | 1 | S/S | 200.000 | 65 | 320.000 |
| 7 | QLBH hỗ trợ nằm viện mở rộng | 1 | S/S | 200.000 | 65 | 434.000 |
| 8 | QLBH tử kỳ có điều chỉnh lạm phát (**) | 1 | S/S | 15.000.000 | 65 | 117.200 |
| 9 | QLBH miễn khoản khấu trừ hàng tháng | 1 | S/S | Tham gia | 75 | 2.546.800 |
| 10 | QLBH theo mức độ cho bệnh nan y | 1 | S/S | 500.000.000 | 75 | 6.950.000 |
| 11 | QLBH cao cấp cho bệnh nan y | 1 | S/S | 500.000.000 | 75 | 6.900.000 |
| 12 | QLBH hỗ trợ tài chính toàn diện điều trị ung thư | 1 | S/S | 500.000.000 | 75 | 4.250.000 |
| | | | | | **Tổng cộng:** | **33.703.200** |

**Phí BH cơ bản (*):** 33.703.200 đồng

**Phí BH dự kiến đóng năm đầu:** 42.000.000 đồng

**Phí BH dự kiến đóng theo kỳ (*):** 42.000.000 đồng **Theo Định kỳ đóng phí:** Năm

**(**) Số năm dự kiến điều chỉnh lạm phát:** 20 năm **Mức tăng chỉ số giá tiêu dùng hiện tại:** 3%/năm

*(**) Mệnh giá BH và Phí BH cơ bản của QLBH tử kỳ có điều chỉnh lạm phát được giả định điều chỉnh tăng trong vòng 20 năm và sau đó sẽ giữ nguyên đến khi quyền lợi này đáo hạn. Giả định Mức tăng Chỉ số giá tiêu dùng cho mỗi năm trong vòng 20 năm bằng 3%/năm. Trường hợp BMBH không muốn Mệnh giá BH của quyền lợi này tiếp tục điều chỉnh tăng, BMBH thông báo bằng văn bản cho Chubb Life, chậm nhất 15 ngày trước Ngày đáo niên.*

## III. MINH HỌA VỀ PHÂN BỔ PHÍ BẢO HIỂM, QUYỀN LỢI BẢO HIỂM VÀ QUYỀN LỢI ĐẦU TƯ

**Lưu ý cho phần minh họa về phí bảo hiểm, phân bổ phí bảo hiểm, Quyền lợi Bảo hiểm, Quyền lợi đầu tư:**

- Mục đích của phần minh họa về phân bổ phí bảo hiểm, Quyền lợi Bảo hiểm, Quyền lợi đầu tư dưới đây nhằm giúp Quý khách hiểu được Giá trị Tài khoản Hợp đồng (GTTKHĐ) thay đổi như thế nào với các lãi suất giả định 8%, 6% và chỉ có tính chất minh họa.
- Các giá trị nêu trong Bảng minh họa được tính toán trên cơ sở cuối Năm hợp đồng với điều kiện Phí bảo hiểm được đóng đủ vào đầu Năm hợp đồng. Các giá trị này có thể thay đổi theo định kỳ đóng phí và tùy thuộc kết quả đầu tư của Quỹ Liên kết chung.
- Các giá trị nêu trong Bảng minh họa được tính toán theo Điều kiện Bảo hiểm nêu ở trang 2, trong đó S/S là điều kiện chuẩn, còn lại là điều kiện tăng phí bảo hiểm.
- Số lần rút tiền mặt và số tiền rút ra có thể làm thay đổi QLBH Cơ bản, kế hoạch đóng phí và lãi phát sinh cho GTTKHĐ. Khi nhu cầu bảo hiểm thay đổi, BMBH có thể yêu cầu tăng/giảm Mệnh giá BH trong tương lai.
- QLBH Cơ bản là quyền lợi bảo hiểm chính của HĐBH và là QLBH khi NĐBH 1 tử vong. Trong trường hợp NĐBH 1 nhỏ hơn 4 tuổi, QLBH Cơ bản sẽ được điều chỉnh giới hạn theo tuổi NĐBH được quy định trong Bản Quy tắc và Điều khoản của HĐBH. Mệnh giá BH của quyền lợi này có thể điều chỉnh theo yêu cầu của BMBH trong suốt thời gian hiệu lực của HĐBH.
- Tổng QL Bảo hiểm tham gia là tổng Mệnh giá BH của QLBH Cơ bản và các QLBH Gia tăng mà BMBH tham gia. Tổng Mệnh giá BH của các QLBH Gia tăng bao gồm Mệnh giá BH của QLBH tử vong hoặc tàn tật do tai nạn nâng cao; QLBH tử vong hoặc tàn tật do tai nạn mở rộng; QLBH thương tật toàn bộ và vĩnh viễn; QLBH tử kỳ có điều chỉnh lạm phát; QLBH theo mức độ cho bệnh nan y; QLBH cao cấp cho bệnh nan y; QLBH hỗ trợ tài chính toàn diện điều trị ung thư kể cả QLBH của NĐBH 2/3 như QLBH tử kỳ dành cho Người hôn phối; QLBH tử kỳ dành cho Người giám hộ; QLBH dành cho Cha Mẹ. Tổng Mệnh giá BH của các QLBH Gia tăng không bao gồm Mệnh giá BH của QLBH hỗ trợ nằm viện nâng cao; QLBH hỗ trợ nằm viện đặc biệt; QLBH hỗ trợ nằm viện mở rộng và các QLBH miễn khoản khấu trừ.
- Các giá trị trong Bảng minh họa với lãi suất đảm bảo được đảm bảo. Lãi suất đảm bảo là mức lãi suất tối thiểu mà Chubb Life cam kết áp dụng cho GTTKHĐ, bất kể kết quả hoạt động đầu tư từ Quỹ Liên kết chung. Lãi suất đảm bảo cam kết được áp dụng là 4%/năm trong 5 Năm hợp đồng đầu tiên, 3%/năm trong năm 5 Năm hợp đồng tiếp theo và 2%/năm trong những Năm hợp đồng còn lại.
- HĐBH sẽ chấm dứt Hiệu lực khi GTTK nhỏ hơn hoặc bằng "Không" đồng.

## BẢNG MINH HỌA VỀ PHÂN BỔ PHÍ BẢO HIỂM, QUYỀN LỢI BẢO HIỂM VÀ QUYỀN LỢI ĐẦU TƯ

**MINH HỌA VỀ PHÂN BỔ PHÍ BẢO HIỂM, QUYỀN LỢI BẢO HIỂM VÀ QUYỀN LỢI ĐẦU TƯ VỚI LÃI SUẤT GIẢ ĐỊNH 8%/Năm**

**Đơn vị tính: nghìn đồng**

| Năm HĐ | Tuổi NĐBH 1 | Phí BH dự kiến /Năm | Phí phân bổ vào Quỹ Liên kết chung (*) | Khoản Khấu trừ trong Năm HĐ (*) | GT Tài khoản | GT Hoàn lại (*) | QLBH Cơ bản (QL Tử vong) | Tổng QL Bảo hiểm tham gia | Rút tiền mặt |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 31 | 42.000 | 18.019 | 5.518 | 13.707 | - | 500.000 | 3.515.000 | - |
| 2 | 32 | 42.000 | 32.112 | 6.167 | 43.064 | 9.225 | 500.000 | 3.530.450 | - |
| 3 | 33 | 42.000 | 35.252 | 6.429 | 77.877 | 43.898 | 500.000 | 3.546.364 | - |
| 4 | 34 | 42.000 | 37.997 | 6.728 | 118.129 | 84.006 | 500.000 | 3.562.755 | - |
| 5 | 35 | 42.000 | 39.043 | 7.058 | 162.386 | 128.116 | 500.000 | 3.579.637 | - |
| 6 | 36 | 42.000 | 40.014 | 7.419 | 210.901 | 183.362 | 500.000 | 3.597.026 | - |
| 7 | 37 | 42.000 | 40.530 | 7.995 | 263.209 | 242.461 | 500.000 | 3.614.937 | - |
| 8 | 38 | 42.000 | 40.530 | 8.569 | 319.103 | 305.206 | 500.000 | 3.633.385 | - |
| 9 | 39 | 42.000 | 40.530 | 9.108 | 378.906 | 371.924 | 500.000 | 3.652.387 | - |
| 10 | 40 | 42.000 | 40.530 | 9.664 | 443.007 | 443.007 | 500.000 | 3.671.959 | - |
| 11 | 41 | 42.000 | 40.530 | 10.231 | 511.552 | 511.552 | 511.552 | 3.692.118 | - |
| 12 | 42 | 42.000 | 40.530 | 11.030 | 584.748 | 584.748 | 584.748 | 3.712.881 | - |
| 13 | 43 | 42.000 | 40.530 | 12.110 | 662.672 | 662.672 | 662.672 | 3.734.268 | - |
| 14 | 44 | 42.000 | 40.530 | 13.356 | 745.690 | 745.690 | 745.690 | 3.756.296 | - |
| 15 | 45 | 42.000 | 40.530 | 14.702 | 833.787 | 833.787 | 833.787 | 3.778.985 | - |
| 16 | 46 | 42.000 | 40.530 | 15.941 | 927.640 | 927.640 | 927.640 | 3.802.354 | - |
| 17 | 47 | 42.000 | 40.530 | 17.295 | 1.027.589 | 1.027.589 | 1.027.589 | 3.826.425 | - |
| 18 | 48 | 42.000 | 40.530 | 18.534 | 1.134.482 | 1.134.482 | 1.134.482 | 3.851.218 | - |
| 19 | 49 | 42.000 | 40.530 | 19.795 | 1.248.373 | 1.248.373 | 1.248.373 | 3.876.754 | - |
| 20 | 50 | 42.000 | 40.530 | 21.075 | 1.370.040 | 1.370.040 | 1.370.040 | 3.903.057 | - |
| 25 | 55 | - | - | 29.818 | 1.858.247 | 1.858.247 | 1.858.247 | 3.903.057 | - |

**MINH HỌA VỀ PHÂN BỔ PHÍ BẢO HIỂM, QUYỀN LỢI BẢO HIỂM VÀ QUYỀN LỢI ĐẦU TƯ VỚI LÃI SUẤT GIẢ ĐỊNH 8%/Năm**

**Đơn vị tính: nghìn đồng**

| Năm HĐ | Tuổi NĐBH 1 | Phí BH dự kiến /Năm | Phí phân bổ vào Quỹ Liên kết chung (*) | Khoản Khấu trừ trong Năm HĐ (*) | GT Tài khoản | GT Hoàn lại (*) | QLBH Cơ bản (QL Tử vong) | Tổng QL Bảo hiểm tham gia | Rút tiền mặt |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 30 | 60 | - | - | 45.496 | 2.497.100 | 2.497.100 | 2.497.100 | 3.903.057 | - |
| 35 | 65 | - | - | 66.971 | 3.325.597 | 3.325.597 | 3.325.597 | 3.903.057 | - |
| 36 | 66 | - | - | 58.118 | 3.531.042 | 3.531.042 | 3.531.042 | 2.000.000 | - |
| 37 | 67 | - | - | 68.218 | 3.742.391 | 3.742.391 | 3.742.391 | 2.000.000 | - |
| 38 | 68 | - | - | 79.984 | 3.959.215 | 3.959.215 | 3.959.215 | 2.000.000 | - |
| 40 | 70 | - | - | 110.072 | 4.397.783 | 4.397.783 | 4.397.783 | 2.000.000 | - |
| 45 | 75 | - | - | 177.810 | 5.533.368 | 5.533.368 | 5.533.368 | 2.000.000 | - |
| 46 | 76 | - | - | 300 | 5.976.984 | 5.976.984 | 5.976.984 | 500.000 | - |
| 50 | 80 | - | - | 300 | 8.131.926 | 8.131.926 | 8.131.926 | 500.000 | - |
| 55 | 85 | - | - | 300 | 11.949.151 | 11.949.151 | 11.949.151 | 500.000 | - |
| 60 | 90 | - | - | 300 | 17.559.091 | 17.559.091 | 17.559.091 | 500.000 | - |
| 65 | 95 | - | - | 300 | 25.803.670 | 25.803.670 | 25.803.670 | 500.000 | - |
| 69 | 99 | - | - | 300 | 35.111.601 | 35.111.601 | 35.111.601 | 500.000 | - |

## TÓM TẮT CÁC QUYỀN LỢI KHI ĐÁO HẠN:

| | | | |
|---|---|---|---|
| **Tổng số năm đóng phí:** | 20 năm | **Tổng số phí đóng:** | 840.000.000 đồng |
| **Tổng số lần rút tiền mặt:** | - | **Tổng số tiền mặt rút ra:** | - |
| **Số tiền nhận khi đáo hạn:** | 35.111.601.000 đồng | | |

**MINH HỌA VỀ PHÂN BỔ PHÍ BẢO HIỂM, QUYỀN LỢI BẢO HIỂM VÀ QUYỀN LỢI ĐẦU TƯ VỚI LÃI SUẤT GIẢ ĐỊNH 6%/Năm**

**Đơn vị tính: nghìn đồng**

| Năm HĐ | Tuổi NĐBH 1 | Phí BH dự kiến /Năm | Phí phân bổ vào Quỹ Liên kết chung (*) | Khoản Khấu trừ trong Năm HĐ (*) | GT Tài khoản | GT Hoàn lại (*) | QLBH Cơ bản (QL Tử vong) | Tổng QL Bảo hiểm tham gia | Rút tiền mặt |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 31 | 42.000 | 18.019 | 5.518 | 13.405 | - | 500.000 | 3.515.000 | - |
| 2 | 32 | 42.000 | 32.112 | 6.168 | 41.889 | 8.050 | 500.000 | 3.530.450 | - |
| 3 | 33 | 42.000 | 35.252 | 6.433 | 75.129 | 41.150 | 500.000 | 3.546.364 | - |
| 4 | 34 | 42.000 | 37.997 | 6.736 | 112.961 | 78.838 | 500.000 | 3.562.755 | - |
| 5 | 35 | 42.000 | 39.043 | 7.074 | 153.823 | 119.553 | 500.000 | 3.579.637 | - |
| 6 | 36 | 42.000 | 40.014 | 7.445 | 197.815 | 170.276 | 500.000 | 3.597.026 | - |
| 7 | 37 | 42.000 | 40.530 | 8.037 | 244.350 | 223.601 | 500.000 | 3.614.937 | - |
| 8 | 38 | 42.000 | 40.530 | 8.635 | 293.060 | 279.163 | 500.000 | 3.633.385 | - |
| 9 | 39 | 42.000 | 40.530 | 9.205 | 344.104 | 337.122 | 500.000 | 3.652.387 | - |
| 10 | 40 | 42.000 | 40.530 | 9.802 | 397.658 | 397.658 | 500.000 | 3.671.959 | - |
| 11 | 41 | 42.000 | 40.530 | 10.417 | 453.728 | 453.728 | 500.000 | 3.692.118 | - |
| 12 | 42 | 42.000 | 40.530 | 11.034 | 512.524 | 512.524 | 512.524 | 3.712.881 | - |
| 13 | 43 | 42.000 | 40.530 | 12.110 | 573.738 | 573.738 | 573.738 | 3.734.268 | - |
| 14 | 44 | 42.000 | 40.530 | 13.356 | 637.441 | 637.441 | 637.441 | 3.756.296 | - |
| 15 | 45 | 42.000 | 40.530 | 14.702 | 703.475 | 703.475 | 703.475 | 3.778.985 | - |
| 16 | 46 | 42.000 | 40.530 | 15.941 | 772.192 | 772.192 | 772.192 | 3.802.354 | - |
| 17 | 47 | 42.000 | 40.530 | 17.295 | 843.634 | 843.634 | 843.634 | 3.826.425 | - |
| 18 | 48 | 42.000 | 40.530 | 18.534 | 918.231 | 918.231 | 918.231 | 3.851.218 | - |
| 19 | 49 | 42.000 | 40.530 | 19.795 | 995.855 | 995.855 | 995.855 | 3.876.754 | - |
| 20 | 50 | 42.000 | 40.530 | 21.075 | 1.076.816 | 1.076.816 | 1.076.816 | 3.903.057 | - |
| 25 | 55 | - | - | 29.818 | 1.293.231 | 1.293.231 | 1.293.231 | 3.903.057 | - |
| 30 | 60 | - | - | 45.496 | 1.507.545 | 1.507.545 | 1.507.545 | 3.903.057 | - |

**MINH HỌA VỀ PHÂN BỔ PHÍ BẢO HIỂM, QUYỀN LỢI BẢO HIỂM VÀ QUYỀN LỢI ĐẦU TƯ VỚI LÃI SUẤT GIẢ ĐỊNH 6%/Năm**

**Đơn vị tính: nghìn đồng**

| Năm HĐ | Tuổi NĐBH 1 | Phí BH dự kiến /Năm | Phí phân bổ vào Quỹ Liên kết chung (*) | Khoản Khấu trừ trong Năm HĐ (*) | GT Tài khoản | GT Hoàn lại (*) | QLBH Cơ bản (QL Tử vong) | Tổng QL Bảo hiểm tham gia | Rút tiền mặt |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 35 | 65 | - | - | 66.971 | 1.689.441 | 1.689.441 | 1.689.441 | 3.903.057 | - |
| 36 | 66 | - | - | 58.118 | 1.730.821 | 1.730.821 | 1.730.821 | 2.000.000 | - |
| 37 | 67 | - | - | 68.218 | 1.764.259 | 1.764.259 | 1.764.259 | 2.000.000 | - |
| 38 | 68 | - | - | 79.984 | 1.787.845 | 1.787.845 | 1.787.845 | 2.000.000 | - |
| 40 | 70 | - | - | 110.072 | 1.792.749 | 1.792.749 | 1.792.749 | 2.000.000 | - |
| 45 | 75 | - | - | 177.810 | 1.512.423 | 1.512.423 | 1.512.423 | 2.000.000 | - |
| 46 | 76 | - | - | 300 | 1.603.114 | 1.603.114 | 1.603.114 | 500.000 | - |
| 50 | 80 | - | - | 300 | 2.022.863 | 2.022.863 | 2.022.863 | 500.000 | - |
| 55 | 85 | - | - | 300 | 2.705.734 | 2.705.734 | 2.705.734 | 500.000 | - |
| 60 | 90 | - | - | 300 | 3.619.715 | 3.619.715 | 3.619.715 | 500.000 | - |
| 65 | 95 | - | - | 300 | 4.843.022 | 4.843.022 | 4.843.022 | 500.000 | - |
| 69 | 99 | - | - | 300 | 6.113.826 | 6.113.826 | 6.113.826 | 500.000 | - |

## TÓM TẮT CÁC QUYỀN LỢI KHI ĐÁO HẠN:

| | | | |
|---|---|---|---|
| **Tổng số năm đóng phí:** | 20 năm | **Tổng số phí đóng:** | 840.000.000 đồng |
| **Tổng số lần rút tiền mặt:** | - | **Tổng số tiền mặt rút ra:** | - |
| **Số tiền nhận khi đáo hạn:** | 6.113.826.000 đồng | | |

## MINH HỌA VỀ PHÂN BỔ PHÍ BẢO HIỂM, QUYỀN LỢI BẢO HIỂM VÀ QUYỀN LỢI ĐẦU TƯ VỚI LÃI SUẤT ĐẢM BẢO

**Đơn vị tính: nghìn đồng**

| Năm HĐ | Tuổi NĐBH 1 | Phí BH dự kiến /Năm | Phí phân bổ vào Quỹ Liên kết chung (*) | Khoản Khấu trừ trong Năm HĐ (*) | GT Tài khoản | GT Hoàn lại (*) | QLBH Cơ bản (QL Tử vong) | Tổng QL Bảo hiểm tham gia | Rút tiền mặt |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 31 | 42.000 | 18.019 | 5.518 | 13.103 | - | 500.000 | 3.515.000 | - |
| 2 | 32 | 42.000 | 32.112 | 6.169 | 40.726 | 6.887 | 500.000 | 3.530.450 | - |
| 3 | 33 | 42.000 | 35.252 | 6.437 | 72.442 | 38.463 | 500.000 | 3.546.364 | - |
| 4 | 34 | 42.000 | 37.997 | 6.744 | 107.967 | 73.845 | 500.000 | 3.562.755 | - |
| 5 | 35 | 42.000 | 39.043 | 7.089 | 145.650 | 111.380 | 500.000 | 3.579.637 | - |
| 6 | 36 | 42.000 | 40.014 | 7.473 | 183.655 | 156.117 | 500.000 | 3.597.026 | - |
| 7 | 37 | 42.000 | 40.530 | 8.085 | 222.695 | 201.947 | 500.000 | 3.614.937 | - |
| 8 | 38 | 42.000 | 40.530 | 8.713 | 262.269 | 248.372 | 500.000 | 3.633.385 | - |
| 9 | 39 | 42.000 | 40.530 | 9.321 | 302.412 | 295.430 | 500.000 | 3.652.387 | - |
| 10 | 40 | 42.000 | 40.530 | 9.969 | 343.129 | 343.129 | 500.000 | 3.671.959 | - |
| 11 | 41 | 42.000 | 40.530 | 10.656 | 380.561 | 380.561 | 500.000 | 3.692.118 | - |
| 12 | 42 | 42.000 | 40.530 | 11.358 | 418.033 | 418.033 | 500.000 | 3.712.881 | - |
| 13 | 43 | 42.000 | 40.530 | 12.301 | 455.300 | 455.300 | 500.000 | 3.734.268 | - |
| 14 | 44 | 42.000 | 40.530 | 13.385 | 492.245 | 492.245 | 500.000 | 3.756.296 | - |
| 15 | 45 | 42.000 | 40.530 | 14.702 | 528.569 | 528.569 | 528.569 | 3.778.985 | - |
| 16 | 46 | 42.000 | 40.530 | 15.941 | 564.369 | 564.369 | 564.369 | 3.802.354 | - |
| 17 | 47 | 42.000 | 40.530 | 17.295 | 599.515 | 599.515 | 599.515 | 3.826.425 | - |
| 18 | 48 | 42.000 | 40.530 | 18.534 | 634.146 | 634.146 | 634.146 | 3.851.218 | - |
| 19 | 49 | 42.000 | 40.530 | 19.795 | 668.162 | 668.162 | 668.162 | 3.876.754 | - |
| 20 | 50 | 42.000 | 40.530 | 21.075 | 701.564 | 701.564 | 701.564 | 3.903.057 | - |
| 25 | 55 | - | - | 29.818 | 640.064 | 640.064 | 640.064 | 3.903.057 | - |
| 30 | 60 | - | - | 45.496 | 503.307 | 503.307 | 503.307 | 3.903.057 | - |

**MINH HỌA VỀ PHÂN BỔ PHÍ BẢO HIỂM, QUYỀN LỢI BẢO HIỂM VÀ QUYỀN LỢI ĐẦU TƯ VỚI LÃI SUẤT ĐẢM BẢO**

**Đơn vị tính: nghìn đồng**

| Năm HĐ | Tuổi NĐBH 1 | Phí BH dự kiến /Năm | Phí phân bổ vào Quỹ Liên kết chung (*) | Khoản Khấu trừ trong Năm HĐ (*) | GT Tài khoản | GT Hoàn lại (*) | QLBH Cơ bản (QL Tử vong) | Tổng QL Bảo hiểm tham gia | Rút tiền mặt |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 35 | 65 | - | - | 75.553 | 237.413 | 237.413 | 500.000 | 3.903.057 | - |
| 36 | 66 | - | - | 71.459 | 169.937 | 169.937 | 500.000 | 2.000.000 | - |
| 37 | 67 | - | - | 88.283 | 84.109 | 84.109 | 500.000 | 2.000.000 | - |
| 38 | 68 | *Hợp đồng chấm dứt hiệu lực khi GTTK nhỏ hơn 0 đồng* | | | | | | | |

**Bằng việc ký tên dưới đây, tôi/chúng tôi xác nhận đã đọc và hiểu toàn bộ nội dung của Tài liệu minh họa này kể cả các lưu ý, cũng như đã được Đại diện Kinh doanh ký tên dưới đây tư vấn.**

- ✓ Hiểu rõ tính chất sản phẩm Kế hoạch Tài chính Trọn đời - Quyền lợi Toàn diện 2013 - Lựa chọn A cũng như đã được giải thích về cơ cấu tính phí bảo hiểm mà Chubb Life áp dụng cho Hợp đồng Bảo hiểm.
- ✓ Nhận thức rõ Quyền lợi bảo hiểm, Quyền lợi đầu tư khi tham gia sản phẩm Kế hoạch Tài chính Trọn đời - Quyền lợi Toàn diện 2013 - Lựa chọn A.
- ✓ Ý thức rằng việc tham gia sản phẩm Kế hoạch Tài chính Trọn đời là một cam kết dài hạn và việc từ bỏ hợp đồng là không có lợi vì các khoản phí Bên mua Bảo hiểm phải trả rất cao trong thời gian đầu.
- ✓ Tài liệu minh họa này chỉ mang tính chất tham khảo, không phải là Hợp đồng Bảo hiểm hay Đề nghị giao kết Hợp đồng Bảo hiểm.
- ✓ Tài liệu minh họa sẽ không có giá trị nếu không có đủ số trang đã nêu.

| Bên mua Bảo hiểm | Chữ ký | Ngày/tháng/năm |
|---|---|---|
| *(Vui lòng ghi họ tên bằng chữ thường)* | | |

Tôi xác nhận chữ ký trên đây được Bên mua Bảo hiểm ghi trong Tài liệu minh hoạ này ký trước sự chứng kiến của tôi.

| ĐDKD tư vấn | Mã số ĐDKD | Chữ ký | Ngày/tháng/năm |
|---|---|---|---|

## (*) GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ VÀ CÁC LOẠI PHÍ LIÊN QUAN

- **Phí BH cơ bản** — Phí bảo hiểm tối thiểu mà BMBH phải đóng trong hai (2) Năm hợp đồng đầu tiên.
- **Phí BH dự kiến đóng theo kỳ** — Khoản phí mà BMBH dự kiến đóng theo kỳ phí xác định cho mỗi Năm hợp đồng.
- **Phí phân bổ vào Quỹ Liên kết chung** — Số tiền đóng vào HĐBH sau khi trừ đi Phí ban đầu sẽ vào Giá trị Tài khoản Hợp đồng (GTTKHĐ) và nhập vào Quỹ Liên kết chung để đầu tư.
- **Phí ban đầu** — Khoản phí được khấu trừ từ Số tiền thực đóng tại thời điểm BMBH đóng phí và được xác định theo tỷ lệ:

| Năm hợp đồng | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7+ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| % của Phí BH cơ bản | 65,0% | 25,0% | 17,5% | 10,0% | 7,5% | 5,0% | 3,5% |
| % của phí đóng vượt quá Phí BH cơ bản | 25,0% | 17,5% | 10,0% | 7,5% | 5,0% | 3,5% | 3,5% |

- **Khoản Khấu trừ hàng tháng** — Khoản tiền được khấu trừ hàng tháng từ GTTKHĐ (bao gồm Phí bảo hiểm rủi ro và Phí quản lý hợp đồng).
  *Phí bảo hiểm rủi ro là khoản phí được tính toán dựa trên cơ sở rủi ro của NĐBH khi tham gia (các) Quyền lợi Bảo hiểm. Phí quản lý hợp đồng là khoản phí để thực hiện các công việc cần thiết cho việc duy trì hiệu lực hợp đồng. Phí quản lý hợp đồng hiện tại là hai mươi lăm nghìn (25.000) đồng và có thể được điều chỉnh nhưng không quá một trăm nghìn (100.000) đồng.*
- **Phí quản lý quỹ** — Khoản phí dùng để trang trải cho các hoạt động quản lý Quỹ Liên kết chung, được khấu trừ từ tỷ suất lợi nhuận đầu tư dự kiến của Quỹ Liên kết chung trước khi công bố lãi suất áp dụng cho GTTKHĐ. Phí quản lý quỹ hiện tại là 2% /năm và có thể thay đổi nếu được Bộ Tài chính chấp thuận nhưng không quá 2,5% /năm.
- **Giá trị Hoàn lại** — Là số tiền mà BMBH sẽ nhận khi yêu cầu chấm dứt Hợp đồng Bảo hiểm. Giá trị Hoàn lại được xác định là GTTKHĐ trừ đi Phí chấm dứt hợp đồng, các Khoản tạm ứng và Phí tạm ứng (nếu có).
- **Phí chấm dứt hợp đồng** — Được tính bằng tỷ lệ phần trăm của Phí BH cơ bản tại thời điểm yêu cầu chấm dứt và được quy định như sau:

| Năm Hợp đồng | 1 - 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10+ |
|---|---|---|---|---|---|---|
| % của Phí BH cơ bản | 100% | 80% | 60% | 40% | 20% | 0% |

- **Phí chấm dứt QLBH Gia tăng** — Là khoản phí được áp dụng khi BMBH yêu cầu chấm dứt QLBH Gia tăng, được tính bằng Tỷ lệ phần trăm của Phí BH cơ bản của QLBH Gia tăng tại thời điểm yêu cầu chấm dứt. Tỷ lệ phần trăm áp dụng tương tự như Phí chấm dứt hợp đồng.
- **Phí điều chỉnh tăng Mệnh giá BH/ bổ sung QLBH Gia tăng** — Là khoản phí để thực hiện các công việc cho việc điều chỉnh tăng Mệnh giá BH hoặc bổ sung QLBH Gia tăng, được xác định cố định năm trăm (500) nghìn đồng/lần và có thể được điều chỉnh nhưng không quá một (1) triệu đồng/lần.

## GIẢI THÍCH QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

### ❖ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM CỦA NĐBH 1

**Quyền lợi tử vong:** khi HĐBH có QLBH CƠ BẢN, *QLBH TỬ VONG HOẶC TÀN TẬT DO TAI NẠN NÂNG CAO, QLBH TỬ VONG HOẶC TÀN TẬT DO TAI NẠN MỞ RỘNG*

- Trường hợp NĐBH 1 tử vong do tự nhiên hoặc tai nạn, Người thụ hưởng sẽ nhận Mệnh giá BH của QLBH CƠ BẢN hoặc GTTKHĐ, tùy giá trị nào lớn hơn (và Mệnh giá BH của QLBH tử kỳ có điều chỉnh lạm phát, nếu có tham gia).
- Trường hợp NĐBH 1 tử vong do tai nạn và có tham gia *QLBH TỬ VONG HOẶC TÀN TẬT DO TAI NẠN NÂNG CAO và/hoặc QLBH TỬ VONG HOẶC TÀN TẬT DO TAI NẠN MỞ RỘNG* thì bên cạnh QLBH Cơ bản, Người thụ hưởng còn nhận thêm *100% Mệnh giá* BH cho *mỗi QLBH* Gia tăng tham gia. Nếu NĐBH 1 tử vong do Tai nạn khi đang sử dụng phương tiện giao thông công cộng hoặc ở nước ngoài du lịch thì có thể nhận đến tối đa 300% Mệnh giá BH.

**Quyền lợi thương tật toàn bộ và vĩnh viễn:** khi HĐBH có *QLBH THƯƠNG TẬT TOÀN BỘ VÀ VĨNH VIỄN, QLBH TỬ VONG HOẶC TÀN TẬT DO TAI NẠN NÂNG CAO, QLBH TỬ VONG HOẶC TÀN TẬT DO TAI NẠN MỞ RỘNG*

- Trường hợp NĐBH 1 bị mất hoàn toàn chức năng của 2 chi, hoặc 2 mắt, hoặc 1 chi và 1 mắt do bệnh hoặc tai nạn, Người thụ hưởng sẽ nhận Mệnh giá BH của QLBH Thương tật Toàn bộ và Vĩnh viễn (TTTBVVV).
- Trường hợp NĐBH 1 bị mất hoàn toàn chức năng của 2 chi, hoặc 2 mắt, hoặc 1 chi và 1 mắt do tai nạn và có tham gia *QLBH TỬ VONG HOẶC TÀN TẬT DO TAI NẠN NÂNG CAO và/hoặc QLBH TỬ VONG HOẶC TÀN TẬT DO TAI NẠN MỞ RỘNG* thì bên cạnh QLBH TTTBVVV, Người thụ hưởng còn nhận thêm *100% Mệnh giá* BH *cho mỗi QLBH* Gia tăng tham gia.

**Quyền lợi thương tật do Tai nạn:** khi HĐBH có *QLBH TỬ VONG HOẶC TÀN TẬT DO TAI NẠN NÂNG CAO, QLBH TỬ VONG HOẶC TÀN TẬT DO TAI NẠN MỞ RỘNG*

- Trường hợp NĐBH 1 bị mất hoàn toàn chức năng của một bộ phận cơ thể do Tai nạn, Người thụ hưởng sẽ nhận tỷ lệ phần trăm tương ứng Mệnh giá BH của QLBH Gia tăng tham gia.

**Quyền lợi chấn thương do Tai nạn:** khi HĐBH có *QLBH TỬ VONG HOẶC TÀN TẬT DO TAI NẠN MỞ RỘNG*

- Trường hợp NĐBH 1 bị chấn thương nội tạng/xương khớp/bỏng do Tai nạn, Người thụ hưởng sẽ nhận tỷ lệ phần trăm tương ứng Mệnh giá BH của QLBH Gia tăng tham gia.

**Quyền lợi mắc bệnh Nan y:** khi HĐBH có *QLBH THEO MỨC ĐỘ CHO BỆNH NAN Y, QLBH CAO CẤP CHO BỆNH NAN Y*

- Trường hợp NĐBH 1 bị một trong các nhóm bệnh nan y được bảo hiểm thì tùy theo mức độ (tối đa 3 mức độ) bệnh hoặc số lần (tối đa 3 lần) mắc bệnh, Người thụ hưởng sẽ nhận tỷ lệ phần trăm tương ứng Mệnh giá BH của QLBH Gia tăng tham gia.

**Quyền lợi mắc bệnh Ung thư:** khi HĐBH có *QLBH HỖ TRỢ TÀI CHÍNH TOÀN DIỆN ĐIỀU TRỊ UNG THƯ*

- Trường hợp NĐBH 1 bị một trong các nhóm bệnh Ung thư được bảo hiểm thì tùy theo tình trạng bệnh, Người thụ hưởng sẽ nhận tỷ lệ phần trăm tương ứng Mệnh giá BH của QLBH Gia tăng tham gia và một số quyền lợi hỗ trợ khác.

**Quyền lợi hỗ trợ nằm viện:** khi HĐBH có *QLBH HỖ TRỢ NẰM VIỆN MỞ RỘNG, QLBH HỖ TRỢ NẰM VIỆN NÂNG CAO, QLBH HỖ TRỢ NẰM VIỆN ĐẶC BIỆT*

- Trường hợp NĐBH 1 nằm viện điều trị bệnh hoặc tổn thương do tai nạn, Người thụ hưởng sẽ nhận (i) tỷ lệ phần trăm Mệnh giá BH của QLBH HỖ TRỢ NẰM VIỆN MỞ RỘNG cho mỗi ngày nằm viện(*), và (ii) nhận thêm có thể lên đến *20 lần Mệnh giá* BH của QLBH Gia tăng này nếu NĐBH 1 có Phẫu thuật.
- Trường hợp NĐBH 1 nằm viện Phẫu thuật hoặc điều trị tại Khoa hồi sức tích cực và có tham gia *QLBH HỖ TRỢ NẰM VIỆN NÂNG CAO, QLBH HỖ TRỢ NẰM VIỆN ĐẶC BIỆT* thì bên cạnh QLBH hỗ trợ nằm viện mở rộng, Người thụ hưởng còn nhận thêm *100% mệnh giá* BH của QLBH hỗ trợ nằm viện nâng cao cho mỗi ngày nằm viện(*) và *10 lần Mệnh giá* BH của QLBH hỗ trợ nằm viện đặc biệt.
  (*) Số tiền Bảo hiểm tối đa chi trả cho mỗi lần nằm viện tại Trung tâm Y tế là *5 lần Mệnh giá* BH của QLBH Gia tăng tham gia.

❖ **QUYỀN LỢI MIỄN KHOẢN KHẤU TRỪ:** khi HĐBH có *QLBH MIỄN KHOẢN KHẤU TRỪ*

- Trường hợp NĐBH 1 mắc bệnh nan y, bị thương tật toàn bộ vĩnh viễn HĐBH sẽ được miễn khoản khấu trừ hàng tháng.

## GIẢI THÍCH QUYỀN LỢI ĐẦU TƯ - QUỸ LIÊN KẾT CHUNG

1. **Quyền lợi khi Hợp đồng Bảo hiểm đáo hạn**
   Chubb Life sẽ chi trả GTTKHĐ vào Ngày đáo hạn Hợp đồng Bảo hiểm nếu Hợp đồng Bảo hiểm còn hiệu lực vào Ngày đáo hạn.
2. **Quyền lợi từ kết quả đầu tư của Quỹ Liên kết chung**
   BMBH được hưởng quyền lợi từ kết quả đầu tư của Quỹ Liên kết chung. Quyền lợi này sẽ được đưa vào GTTKHĐ dưới hình thức tính lãi hàng tháng theo mức Lãi suất công bố.
3. **Quyền tạm ứng từ Giá trị Hoàn lại**
   BMBH có thể yêu cầu tạm ứng từ Giá trị Hoàn lại sau khi Hợp đồng Bảo hiểm có hiệu lực một (01) năm và có Giá trị Hoàn lại. Chubb Life sẽ áp dụng Phí tạm ứng trên các khoản tạm ứng. Phí tạm ứng được xác định bằng tích số của lãi suất tạm ứng, Khoản tạm ứng và thời gian tạm ứng. Lãi suất tạm ứng tối đa bằng lãi suất tính lãi trên GTTKHĐ cộng với 6% hoặc 150% của lãi suất tính lãi trên GTTKHĐ, giá trị nào lớn hơn sẽ được áp dụng.
4. **Rút một phần Giá trị Tài khoản Hợp đồng**
   BMBH có thể rút tiền mặt từ GTTKHĐ sau khi Hợp đồng Bảo hiểm có hiệu lực một (01) năm và có Giá trị Hoàn lại. Sau khi BMBH rút một phần GTTKHĐ, Mệnh giá BH của QLBH Cơ bản sẽ được điều chỉnh giảm tương ứng với khoản tiền mặt đã rút. BMBH phải chịu khoản phí được áp dụng khi BMBH yêu cầu rút tiền từ GTTKHĐ, được xác định theo Tỷ lệ phần trăm của Phí chấm dứt hợp đồng tương ứng với khoản tiền rút ra (Phí rút một phần GTTKHĐ).
5. **Chấm dứt Hợp đồng Bảo hiểm hoặc chấm dứt Quyền lợi Bảo hiểm Gia tăng**
   BMBH có quyền yêu cầu chấm dứt Hợp đồng Bảo hiểm để nhận Giá trị Hoàn lại; hoặc yêu cầu chấm dứt QLBH Gia tăng.